TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 13/3/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khổng Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Tú Nga

Ông Nguyễn Tấn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 392/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17 /2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; Trụ sở: Số 22 NQ, Phường TT, QK, TP. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình - Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Minh H - Chuyên viên Quản lý khách hàng - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản PVCombank; Địa chỉ: Số 02 đường 30 tháng 4, Quận H, TP. Đà Nẵng. (Theo văn bản ủy quyền số 23260/UQ-PVB ngày 31/12/2021)

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ 42, KV6, P. LHP, TP. Q, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Tống Duy T, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ 42, KV6, P. LHP, TP. Q, tỉnh Bình Định.

(Anh H có mặt, chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa anh Phạm Minh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trình bày:

Ngày 08/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là PVCombank) với chị Nguyễn Thị Hồng P có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2110/2018/HĐTD/PVB-DT. Theo đó, PVCombank có cho chị P vay số tiền 100.000.000 đồng; Phương thức cho vay: Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương; Thời gian cho vay (tháng): 60 tháng; Phương thức trả nợ: Trả gốc và lãi vào ngày 10 hàng tháng; Lãi suất thỏa thuận: Từ ngày 08/11/2018 đến ngày 07/02/2019, lãi suất bằng 15.5%/năm; Từ ngày 08/02/2019, lãi suất được điều chỉnh 03 (ba) tháng/ lần và được xác định bằng: Lãi điều chỉnh (%/năm) = LS_{TG13} (LS_{TG13} là lãi suất tiền gửi Đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của PVcomBank công bố từng thời kỳ) + biên độ 7%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại: 150%. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị P đã trả được 6.200.013 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 3.343.666 đồng và tiền lãi là 2.856.347 đồng).

Tính đến ngày 13/3/2023 chị P còn nợ PVCombank số tiền 181.700.691 đồng (Trong đó: nợ gốc là 96.611.815 đồng và nợ lãi là 85.088.876 đồng). Mặc dù, PVCombank đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bằng cách gửi các Thông báo về việc vi phạm nghĩa vụ và yêu cầu chị P tất toán toàn bộ khoản vay cho PVCombank nhưng chị P vẫn không thực hiện.

Nay PVCombank khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Hồng P phải trả cho PVCombank số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 13/3/2023 là: 181.700.691 đồng, trong đó nợ gốc là 96.611.815 đồng và nợ lãi là 85.088.876 đồng. Đồng thời, buộc chị Nguyễn Thị Hồng P phải tiếp tục trả cho PVCombank các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: 2110/2018/HĐTD/PVB-DT ngày 08/11/2018 kể từ ngày 14/3/2023 cho đến khi tất toán xong khoản vay.

Tại bản khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Chị thống nhất vào ngày 08/11/2018 giữa chị và PVCombank có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2110/2018/HĐTD/PVB-DT. Theo đó, PVCombank cho chị vay số tiền 100.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; Phương thức cho vay: Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương; Thời gian cho vay: 60 tháng; Phương thức trả nợ: Trả gốc và lãi vào ngày 10 hàng tháng; Lãi suất cho vay như Hợp đồng đã ký kết với PVCombank. Từ khi vay đến nay, chị đã trả cho PVCombank số tiền 6.200.013

đồng (Trong đó: Tiền gốc là 3.343.666 đồng và tiền lãi là 2.856.347 đồng).

Tính đến ngày 27/10/2022 chị còn nợ PVCombank số tiền 172.221.444 đồng (Trong đó: nợ gốc là 96.611.815 đồng và nợ lãi là 75.609.629 đồng). Nay PVCombank khởi kiện yêu cầu chị phải trả cho PVCombank số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 27/10/2022 là: 172.221.444 đồng. Đồng thời, buộc chị phải tiếp tục trả cho PVCombank các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: 2110/2018/HĐTD/PVB-DT ngày 08/11/2018 kể từ ngày 27/10/2022 cho đến khi tất toán xong khoản vay. Chị thống nhất trả nợ theo yêu cầu của PVCombank nhưng hiện nay kinh tế gia đình chị rất khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian trả từ tháng 11/2022 cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tống Duy T: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần hai không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự:*

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng P có trách nhiệm trả cho PVCombank toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2110/2018/HĐTD/PVB-DT ngày 08/11/2018. Buộc chị P phải tiếp tục trả cho PVCombank các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 2110/2018/HĐTD/PVB-DT ngày 08/11/2018 kể từ ngày 16/12/2022 (tạm tính theo Hợp đồng tín dụng số 2110/2018/HĐTD/PVB-DT ngày 08/11/2018 đến hết ngày 13/3/2023 là 181.700.691 đồng (nợ gốc là 96.611.815 đồng, nợ lãi quá hạn là 85.088.876 đồng) và cho đến khi tất toán xong khoản vay. Không chấp nhận hình thức trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Hồng P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: PVCombank khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng P; địa chỉ: Tổ 42, KV6, P. LHP, TP. Q, tỉnh Bình Định trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số: 2110/2018/HĐTD/PVB-DT ngày 08/11/2018 mà các bên đã ký kết với mục đích vay tiêu dùng nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với bị đơn: Trước khi mở phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hồng P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Ngày 08/11/2018, chị Nguyễn Thị Hồng P ký Hợp đồng tín dụng số 2110/2018/HĐTD/PVB-DT để vay số tiền 100.000.000 đồng của PVCombank. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất vay là: Từ ngày 08/11/2018 đến ngày 07/02/2019, lãi suất bằng 15.5%/năm; Từ ngày 08/02/2019, lãi suất được điều chỉnh 03 (ba) tháng/ lần và được xác định bằng: Lãi điều chỉnh (%/năm) = LS_{TG13} (LS_{TG13} là lãi suất tiền gửi Đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của PVcomBank công bố từng thời kỳ) + biên độ 7%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại: 150%; Mục đích vay: tiêu dùng ; Phương thức trả nợ: Trả gốc và lãi vào ngày 10 hàng tháng. Xét Hợp đồng tín dụng số 2110/2018/HĐTD/PVB-DT được ký kết giữa PVCombank và chị Nguyễn Thị Hồng P là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị P đã nhận đủ tiền vay nhưng chỉ thanh toán cho PVCombank số tiền 6.200.013 đồng, trong đó tiền gốc là 3.343.666 đồng và tiền lãi là 2.856.347 đồng, sau đó chị P không tiếp tục thanh toán tiền gốc và lãi cho PVCombank. Như vậy, chị P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên PVCombank khởi kiện yêu cầu chị P trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 13/3/2023 là 181.700.691

đồng, trong đó: nợ gốc là 96.611.815 và nợ lãi là 85.088.876 đồng và có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 14/3/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất đã quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2110/2018/HĐTD/PVB-DT ngày 08/11/2018 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng của chị P không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P phải chịu 9.085.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. PVCombank không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ. Buộc chị Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến ngày 13/3/2023 là 181.700.691 đồng, trong đó: nợ gốc là 96.611.815 đồng và nợ lãi là 85.088.876 đồng.

2. Bác yêu cầu xin trả dần của chị Nguyễn Thị Hồng P.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 9.085.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ 4.111.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004644 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Hồng P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2110/2018/HĐTD/PVB-DT ngày 08/11/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 2110/2018/HĐTD/PVB-DT các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà chị P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Q ;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khổng Lan Hương